

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 772/2025/DS-PT
Ngày 18-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huỳnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch

Bà Trần Thị Thắm

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huyền Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở B) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: số G khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên hệ: số D đường T, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: số nhà E, tầng F, khối B, chung cư L, đường D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) (theo Văn bản ủy quyền ngày 15/10/2024) – Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thúy H1, sinh năm 1978; địa chỉ: số C khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

Minh); địa chỉ liên hệ: Nhà nghỉ H3, Tổ C, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp:

1. Bà Thân Thị Thu P, sinh năm 1996 – Vắng mặt;
2. Bà Trần Lê Kim B, sinh năm 2000 – Có mặt;

Cùng địa chỉ liên hệ: số D Đại lộ B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều T1, sinh năm 1993; địa chỉ: Số A đường C, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) – Vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Lâm Thị H2, sinh năm 1966; địa chỉ: Số B khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) – Vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thúy H1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 8 năm 2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Vào ngày 03/01/2024 bà Lâm Thị H2, là người cùng làm ăn với bà Trần Thị T, đưa bà Nguyễn Thúy H1 tới nhà bà T để bà H1 hỏi vay bà T số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay để đưa cho bà H2 đóng tiền ngân hàng vì bà H2 có vay tiền của ngân hàng và thế chấp tài sản của mình lấy tiền cho bà H1 mượn, hàng tháng bà H1 phải có trách nhiệm đóng tiền lãi và gốc cho ngân hàng khoản tiền bà H2 đứng ra vay dùm. Đến ngày đóng tiền, do bà H1 không có tiền đóng nên nhờ bà H2 đưa đến nhà bà T thực hiện giao dịch vay tiền. Việc vay tiền có lập thành hợp đồng (theo mẫu Hợp đồng bà T có sẵn), hai bên thỏa thuận thời hạn vay 03 tháng, không thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng, tuy nhiên bà T kinh doanh cầm đồ nên hai bên thỏa thuận bằng lời nói mức lãi suất 5%/tháng. Sau khi ký Hợp đồng, bà T đã chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng cho bà H1 vay theo như thỏa thuận, cụ thể: chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của bà H1 5.390.000 đồng, chuyển khoản vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Kiều T1 (con dâu bà H2) số tiền 94.610.000 đồng theo yêu cầu của bà H1 và bà H2, sau đó bà T giao tờ Hợp đồng liên màu trắng (do cuốn hợp đồng có 2 liên màu trắng và màu hồng) cho bà H1 cầm và cất giữ, khoảng 2 tiếng sau bà H1 báo tờ Hợp đồng của bà H1 bị nước đổ, không còn nguyên vẹn nên bà T yêu cầu bà H1 quay lại nhà bà T để

ký bản Hợp đồng khác nhưng vẫn giữ nguyên nội dung của bản Hợp đồng trước đó, lần này bà T giao cho bà H1 giữ liên màu hồng, bà Thu giữ liên màu trắng (đã cung cấp cho Tòa án). Quá trình vay tiền bà H1 đã trả được số tiền lãi là 10.000.000 đồng, hết thời hạn 03 tháng như thỏa thuận nhưng bà H1 chưa trả tiền nên bà T đến nhà bà H1 yêu cầu thanh toán số tiền vay và số tiền lãi theo thỏa thuận nhưng bà H1 không thanh toán. Vì vậy, bà T làm đơn yêu cầu toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thúy H1 trả số tiền vay là 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Tại bản tự khai ngày 28/02/2025, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thúy H1 trình bày:

Bà H1 thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về việc có đến nhà nguyên đơn bà T vay tiền theo sự giới thiệu của bà Lâm Thị H2, thống nhất với việc ký hợp đồng vay số tiền 100.000.000 đồng, thời gian vay 03 tháng (từ ngày 03/01/2024 đến ngày 03/4/2024) và ký lại hợp đồng lần hai giữ nguyên nội dung của bản Hợp đồng trước đó, tuy nhiên, sau khi ký Hợp đồng bà T chỉ chuyển vào số tài khoản 050105249931 của bà số tiền 5.390.000 đồng, số tiền còn lại bà T chuyển cho ai bà không biết. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 100.000.000 đồng bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý trả số tiền đã nhận là 5.390.000 đồng cho bà T.

Tại bản tự khai ngày 04/3/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều T1 trình bày:

Bà là con dâu của bà Lâm Thị H2, bà có biết bà H1, bà T do hay đến nhà chơi vì có mối quan hệ làm ăn với bà H2. Ngày 03/01/2024, bà H2 có điện thoại nói rằng bà T sẽ chuyển khoản vào tài khoản của bà (do bà H2 không có số tài khoản nên mượn số tài khoản) số tiền 94.610.000 đồng, nếu nhận được thì rút ra để cho bà H2 đi đóng tiền gốc và lãi vay ngân hàng khoản vay hộ cho bà Nguyễn Thúy H1. Sau đó tài khoản của bà nhận đủ số tiền như bà H2 nói và do đang có sẵn tiền mặt trong nhà nên bà lấy đưa cho bà H2. Còn việc vay mượn tiền, thỏa thuận như thế nào giữa bà T với bà H1 thì bà không biết. Đối với yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2025, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị H2 trình bày:

Thống nhất toàn bộ với lời trình bày của nguyên đơn bà T, lời trình bày của bị đơn bà H1 là không đúng, đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

Buộc bà Nguyễn Thúy H1 thanh toán cho bà Trần Thị T số tiền vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Lãi suất được tiếp tục tính kể từ ngày 18/3/2025 theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về về án phí, về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/3/2025 bị đơn bà Nguyễn Thúy H1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trần Lê Kim B trình bày: Ngày 03/01/2024, giữa bà T và bà H1 có ký kết ký hợp đồng vay số tiền 100.000.000 đồng, thời gian vay 03 tháng (từ ngày 03/01/2024 đến ngày 03/4/2024) và có ký lại hợp đồng lần hai nhưng giữ nguyên nội dung của bản Hợp đồng trước đó, tuy nhiên, sau khi ký Hợp đồng bà T chỉ chuyển vào số tài khoản 050105249931 của bà Hằng số tiền 5.390.000 đồng, số tiền còn lại bà T chuyển cho ai thì bà H1 không biết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng của Tòa án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: ngày 03/01/2024 bà H2 dẫn bà H1 tới nhà bà T để hỏi và thỏa thuận về việc bà H1 vay bà T số tiền 100.000.000 đồng trong thời gian 03 tháng, phương thức thanh toán: một lần chuyển khoản. Sau khi ký hợp đồng bà T chuyển vào tài khoản của bà H1 5.390.000.000 đồng, chuyển khoản vào tài khoản của bà T1 94.610.000 đồng, theo yêu cầu của bà H1, bà H2. Khoảng 02 tiếng sau, bà H1 điện thoại cho bà T thông báo giấy Hợp đồng mượn tiền bị ướm, rách nên bà T yêu cầu bà H1 đến nhà mình để viết, ký lại giấy “Hợp đồng cho mượn tiền” với nội dung như tờ Hợp đồng đã bị rách. Trong hợp đồng không đề lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 5%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H1 thừa nhận chữ ký chữ viết trên hợp đồng là của bà H1 và có sự việc quay lại nhà bà T ký lại hợp đồng vay tiền do bà H1 làm ướm, đây là tình tiết, sự kiện được các đương sự đều thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đơn kháng cáo: Xét thấy hai lần viết, ký tên trên giấy “Hợp đồng cho mượn tiền” đều do bà H1 tự nguyện, không bị ép buộc (bút lúc số 63, bút lúc số 74). Hợp đồng cho mượn tiền lần 2 (thay thế cho Hợp đồng cho mượn tiền đã bị ướm, rách trước đó) được thực hiện sau khi bà T đã chuyển cho bà Hằng số tiền 5.390.000 đồng và bà T1 (con bà H2) số tiền 94.610.000 đồng. Như vậy, khi viết, ký lại “Hợp đồng cho mượn tiền” bà H1 không có ý kiến gì về việc bà T chỉ chuyển khoản số tiền 5.390.000 đồng vào tài khoản của mình, số tiền 94.610.000 đồng bà T chuyển vào tài khoản bà T1.

Căn cứ tài liệu nguyên đơn cung cấp là tin nhắn Zalo giữa bà T với bà H1 thể hiện “Bạn mượn 03/01/2024/đến 03/02/2024/ một tháng ma hang đua bạn 2 thang 10 triệu roi ma đến 03/03/2024/ thì mới 2 tháng ma ban lay roi ma kêu hằng đóng lời nữa” (bút lúc số 30) và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn cũng thừa nhận bà T tự trích 10.000.000 đồng trong khoản tiền vay để lấy lãi trước 02 tháng (bút lúc số 74 và bút lúc số 75). Như vậy bị đơn không thừa nhận việc nhận của nguyên đơn số tiền 94.610.000 đồng nhưng lại trình bày mâu thuẫn với lời khai trên và tin nhắn thể hiện trong Zalo. Ngoài ra lời khai của bà H2, bà T1 thống nhất với các lời khai mà nguyên đơn trình bày. Do đó có căn cứ xác định bà H1 vay số tiền 100.000.000 đồng của bà T và bà H1 đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn bà H1 kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án dân sự số 31/2025/DS-ST ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn là trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Về sự vắng mặt, có sự vắng mặt 01 người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Thân Thị Thu P và đơn đề nghị xét xử vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều T1 và bà Lâm Thị H2 không ảnh hưởng đến việc giải quyết đơn kháng cáo của bị đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận vào ngày 03/01/2024, bà H2 có dẫn bà H1 đến nhà bà T để hỏi và thỏa thuận vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng trong thời gian 03 tháng. Việc vay tiền được lập thành văn bản là “Hợp đồng cho mượn tiền”, có nội dung: bà Trần Thị T (Bên A – Bên cho mượn) cho bà Nguyễn Thúy H1 (Bên B – Bên mượn) số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay: ba tháng, kể từ ngày 03/01/2024 đến 03/4/2024, phương thức thanh toán: một lần chuyển khoản. Trong hợp đồng không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 5%/tháng. Chữ viết, chữ ký trên Hợp đồng cho mượn tiền là do bà H1 viết, ký tên. Sau khi viết, ký tên xong, bà T chuyển khoản cho bà Hằng số tiền 5.390.000 đồng, chuyển khoản cho bà T1 (con dâu) bà H2 94.610.000 đồng. Bà H1, bà T mỗi người giữ 1 bản hợp đồng (bà H1 giữ liên trắng, bà Thu G liên hồng) và bà H1 về nhà. Khoảng 02 tiếng sau, bà T điện thoại cho bà H1, bà H1 thông báo cho bà T biết giấy Hợp đồng mượn tiền bị ướt, rách, bà T yêu cầu bà H1 đến nhà mình để viết, ký lại giấy “Hợp đồng cho mượn tiền” với nội dung như tờ Hợp đồng đã bị rách, bà H1 đồng ý, sau khi ký, viết lại xong bà Thu G liên màu trắng và đưa lại cho bà H1 giữ liên màu hồng. Đây là tình tiết, sự kiện các đương sự đều thừa nhận nên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2.2] Xét thấy, bà H2 cho rằng bà H1 có nhờ bà dùng tài sản để thế chấp ngân hàng vay tiền cho bà H1, hàng tháng bà H1 có trách nhiệm trả tiền lãi ngân hàng cho bà H2, nhưng không có chứng cứ gì chứng minh, cũng như không có chứng cứ gì chứng minh bà H1 có nợ bà H2 số tiền 94.610.000 đồng. Giữa bà H1, bà T và bà H2 không có chứng cứ thể hiện sau khi bà H1 vay tiền của bà T sẽ chuyển trả cho bà H2. Ngoài ra, cũng không có chứng cứ chứng minh bà T đã giao cho bà Hằng số tiền vay 94.610.000 đồng theo yêu cầu của bà H1 mà chỉ có chứng cứ thể hiện bà T chuyển khoản cho bà Hằng số tiền 5.390.000 đồng nên bà H1 phải có trách nhiệm trả số tiền này cho bà T.

[2.3] Đối với số tiền 94.610.000 đồng, bà T chuyển khoản cho bà T1, con dâu bà H2, sau đó bà T1 đưa lại cho bà H2 sử dụng số tiền này nên bà T có quyền khởi kiện để yêu cầu bà H2 trả số tiền này.

Từ phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H1, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà H1 phải trả cho bà T số tiền 5.390.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết. Do đó cần sửa lại bản án sơ thẩm. Ngoài ra, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm đã quyết định tính lãi được tiếp tục tính từ ngày 18/3/2025 (sau ngày tuyên án sơ thẩm) là không đúng quy định của pháp luật (điểm b, khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm).

[2.5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[3] Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận; bị đơn phải chịu đối số tiền phải trả cho nguyên

đơn quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 144; khoản 1 Điều 148; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thúy H1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2025/DS-ST ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh) như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T đối với bị đơn bà Nguyễn Thúy H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thúy H1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền vay 5.390.000 đồng (năm triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

1.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thúy H1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị T phải chịu 4.730.500 đồng (bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng), được trừ vào số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) bà Trần Thị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001829 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh). Bà T còn phải nộp 2.230.500 đồng (hai triệu hai trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng)

2. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thúy H1 không phải chịu, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thúy H1 số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007989 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân khu vực 16-Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Huỳnh